



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HO QUAN MINH YEN
Last Middle First

Current Address: 29 Nguyen van Troi Tran quoc Thao P.11 quan 3 HOCHIMINH City

Date of Birth: 2.3.1932 Place of Birth: SA DEC

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 14 June 1975 To 26.10.1983
Years: 8 Months: 4 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HO QUAN MINH YEN
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VO THI HAI	19.2.1932	Wife
HO THI TUONG VAN	2.8.1957	Daughter
HO QUAN TUAN PHUONG	26.11.1959	Son
NGUYEN THI THANH THUY	30.7.1962	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Tại Hàm Tân

56 GRT

[illegible]

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thị trấn An Phú, huyện Định Hải, tỉnh Hải Phòng. 93 ngày 29 tháng 09 năm 1983

của Bộ Nội vụ

Nháy các giấy tờ của anh, chỉ có tên sau đây:

Họ, tên (chữ in hoa) HO QUAN MINH YEN

Sinh năm 1932

Đã đến nay chưa có **Hồ Quan Minh Yên**

Kết thúc Sa đéc

Nơi đăng ký nhận thừa hưởng tài sản trước khi bị bắt: 29 Nguyễn Văn Trỗi Quận 3 T/P Hồ Chí Minh

Can tại Trung tá phó giám đốc nhà hưu bổng.

Đi bắt ngày 14/05/75 An phát TCC

Theo quy định, in vào 30 _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của

Đã bị công ra lần, trong thời hạn năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng.

Nay về cư trú tại 29, Nguyễn Văn Trỗi cũn 3 T/P Hố Chí Minh

Ngành xét tuyển trình cấp 2

Tư tưởng : quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng .

Lao động : Thế miền tinh thần bị giặc tàn phá dù ngày công hoàn thành công việc cũng gieo cơ chất lượng.

Hội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.

Học tập : tham gia học tập đều có chiều hướng tiến bộ.
(quan chế 12 tháng)

Đương sự xử: trình diện tại UBND Phường, xã: Hội cư trú

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

1. The day after the 1st of 1941

Cs. Hồ quan Kinh Yên

Das bin⁴ ich

440

• Hq. 1-7, chōr k'y
ngwān! dūyē cāp zīd,

Ngày tháng năm 1983

Given the



Đặc biệt
Công Hộ Quan Môn gần có
để làm việc tại đây



27/10/83

gyls

Nguyễn Văn Sơn

4

$$52/125.679 \text{ (cu}^2\text{)}$$

Số quân **50/12000**

—

Y N H A N - D A N G

: TÓC :

• Mất :

: Trán :

• Mũĩ •

· Khuôn mặt ·

: Cao 1 thước phân

•

03

2

535

- Admis comme élève officier (Candidat civil) à l'Ecole Militaire Inter Armée de Saïgon le 27.10.52. Arrivé et pris en compte le dit jour (Arêt No 0727/No 0728/154/3 du 10.10.52. A Contracté un engagement de six ans au titre des FAN à/e du 27.10.52. A réussi à l'examen de sortie de l'EMIAO avec 9768 points sur 8000 et classé 19^{ème} des 164 élèves reçus. Rayé des contrôles de l'école le 1.7.53. Promu au grade de sous-lieutenant d'active pour compter du 1.7.53 par arrêté No 457/Cah/DM du 25.7.53.
- Th/ch về Tiểu đoàn Khinh-quan 204 do LTC số 835/TH/DMK/1/3 ngày 9.7.53 và LTC số 7662/TH/Dirpers/AM2 ngày 29.7.53 và k/t ngày 1.7.53. Đại ĐOÀN của TL/DQ Bộ Quân-Kinh k/t ngày 1.3.54 do LTC số 4429/TH/Dirpers/AM2 ngày 30.3.54. Th/ch về BTL/DMK (Phòng Nhân Viên và Chính Pháp-Ty) k/t ngày 1.6.54 do LTC số 7777/TH/Dirpers/AM2 ngày 31.3.54.
- Được lưu ngạch hiện dịch với cấp độ tàn phế với 8% do báo cáo số 254/ĐHĐĐ của Hội Đồng phế thai trong phiên nhóm ngày 27.11.54.
- Thăng cấp Trung-Úy HD thực thụ k/t ngày 1.8.54 do MD số 2043/QP ngày 4.11.54.
- Thăng cấp Đại-Úy HD tạm thời k/t ngày 11.1.57 do MD số 31/QP/MD ngày 11.1.57.
- Thăng cấp Đại-Úy HD thực thụ k/t ngày 1.11.61 do MD số 2702/QP/MD ngày 20.12.61 của BQP.
- Đại-Úy HD thực thụ được điều chỉnh Đại-Úy tạm thời thành thực thụ k/t ngày 1.6.69 do MD số 413/QP/MD ngày 9.8.65 của BQP (Thay vì Đại-Úy thực thụ ngày 1.11.61).
- Thăng cấp Thiếu-Tá thực thụ k/t 1.1.67 do MD số 662/QP/MD ngày 3.2.67 của Tổng Ủy-Viên Quốc-phòng.
- Th/ch về Đơn-vị 3 quân-trị (thưng số) biệt phái Bộ Chỉ-huy Quân-Sĩ k/t 12.3.69 do LTC số 20511/TH/TH/TH/BN/BN/B/K ngày 1.2.69 của Bộ Tư-lệnh.

BỘ TƯ
LỆNH
CỘNG-HÒA
VIỆT-NAM
1975

////////////////

KHÁI

CHUNG

KBC. 4204, ngày tháng năm 19

IL. Thiệu Trị 11300-2000-2000

Lý-ty-trưởng Trung-Tâm Cảnh-Trị Trung-Hưng
Thiếu-Tá VU-BANG-MI
Chí-Huy-Phó.

Trưởng Ban Cảnh-Trị.

Ramy

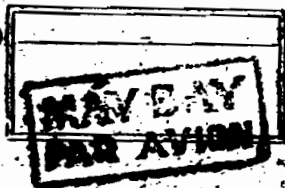
Viết

BƯU CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Administration des Postes
de la R. S. du Việt Nam

(1)



BĐ. 29

(29 và 29a cũ)

C. 5.

Nhật ấn Bưu cục

hoàn giấy báo

Timbre de retour

renvoyant

BƯU CHÍNH

Service des Postes

GIẤY BÁO

Nhận

Réception

Trả tiền

Payement

Avis de (2)

Địa chỉ:

Adresse:

(3)

ở (a)

Hồ Quan Minh Yeh
Lg Nguyễn Văn Trỗi
Quận 3, nước (Pays) City HCM SVN

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
 và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Mẫu 71-13 X 10



gốc ghi
le bureau
à origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

ký gửi tại Bưu cục
déposé au bureau de poste de
ngày 26-11-1984 số 186
le

địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

The orderly DEPARTURE PROGRAM OFFICE
121 Soi Tien Siang Sathorn Rd Bangkok 10120
Thailand

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (r)

Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
*Signature de l'agent
du bureau destinataire*

Nhật ấn bưu cục nhận
*Timbre du bureau
destinataire*

HU : (r) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 2 mới đến ».

Saigon, ngày 15 tháng 07 năm 1988
Kính thưa CHI HỘI TRƯỞNG,

Tôi, tên là HỒ QUAN MINH-YẾN, cựu Trung tá, Phó Giám đốc Nha Thuế
tổng Đô cũn chiến Bình, đã đi cải tạo tập trung hơn 8 năm 11 tháng, được phóng
thoát ngày 26-10-1983.

Trên trong, kinh tình hay sự việc như sau:

Cần khi được trở về sum họp với gia đình, tôi đã có 2 lần gửi nộp hồ sơ xin
đi định cư ở nước ngoài qua đường thuế O.D.P. đặt tại số 131, SÀI TIỀN SINH
SATHORN RD - BANGKOK 10.120 Thailand:

- một vào tháng 11-1984 và

- một vào tháng 12-1984, có một lần có giấy hỏi báo nhân hồ sơ ngày

19-12-1984 - Nhưng, từ ấy đến nay, tôi chưa hề nhận được một tin tức gì về vấn
đề này.

Hôm nay, tôi kính nhờ CHI vui lòng giúp đỡ và can thiệp với các cơ quan bên
trước để cho buổi họp của tôi sớm được cửu xét và luôn tiến cho biết kết quả.

Là một nạn nhân công nhân và là một người đồng hương với CỘI NƠI QUÊ MẸ
Saigon, tôi thành khẩn ghi nhận lòng ưu ái nhiệt tình này.

Tôi xin kính kèm theo đây:

- 1 photocopy giấy ra đi + 1 photocopy ảnh khai sinh

- 1 bản sao bản văn đặt.

- 1 photocopy bản trực tiếp vào và quân vụ

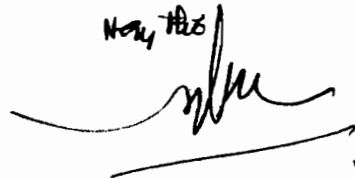
- 1 photocopy giấy hỏi báo nhân hồ sơ;

để làm tài liệu, nếu có thời tiết nào, kính xin quý Hội thông báo cho tôi biết để
bổ túc sau, tại địa chỉ: VÕ THỊ HAI 89, đường 3 tháng 02

phố 11 - Quận 10 - TP HCM.

Kính chào CHI với lòng biết ơn sâu xa của tôi.

Minh Yến



TU- PHÁP
TÈRE DE LA JUSTICE)

U-PHÁP NAM-VIỆT

Service Judiciaire du Sud-Vietnam)

QUỐC-GIA VIỆT-NAM
(ETAT DU VIET-NAM)

PHÒNG LỤC-SỰ' TÒA VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN SAO-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

LANG TÂN-VINH-HÒA

(SADEC)

(NAM - VIỆT)

(Sud Viet-Nam)

NAM 1932

(Année)

SỐ HIỆU 27

(Acte N°

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Hồ-quan Minh-Yên
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 2 Mars 1932
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Tân-Vinh-Hòa (Hố Vinh-Phước
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Hồ-quan-Cử
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Instuteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Vinh-Hòa (Hố Vinh-Phước
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần-thị-Điều
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	-----
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-Vinh-Hòa (Hố Vinh-Phước
Vợ chánh hay là vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Imp. Ng. van-Huynh, 35 Col. Grimaud - Saigon

Chúng tôi,
(Nous

Chánh-án Tòa VINH LONG

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(certifions la légalité des signatures de M.)

Ông

Chánh lục-sự Tòa-án này.

VINH LONG, ngày 3. 12. 1955

ngày

CHÁNH-ÁN

(LE PRÉSIDENT)

Sao y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

VINH LONG, ngày 3. 12. 1955.

CHÁNH LỤC-SỰ

(LE GREFFIER EN CHEF)

Immanuel

Giá tiền:

1.0

(Coût)

3166

Biên lai số

(Quittance n°)

POLITICAL PRISONER REPORT

- A)- Tên : **HỒ QUAN MINH-YẾN** B)- Tuổi/Ngày sinh : **2-03-1932**
 Name: Age/ DOB :
- C)- Trại giam sau cùng : **TRẠI HẠM TÂN 230^C**
 Last camp
- D)- Vẫn còn bị giam : **Đ** - **KHÔNG**
 Still imprisoned: YES - NO
- E)- Ngày bị giam giữ sau cùng: **25-10-1983** Ngày được thả : **26-10-1983**
 Date of last observation : Date of release:
- F)- Sức khỏe : **Khá** G)- Số người thân nhân đi theo : **BỐN (04)**
 Health : No. Of accompany relatives :
- H)- Chức vụ cũ/ Cấp bậc trong quân đội VNCH: **Phó Giám đốc Viện Chẩn Sứ Vụ**
 Former position/ Rank in VN/RVNA : **TRUNG-TÁ HD.**
- I)- Huấn luyện tại Hoa Kỳ : **KHÔNG**
 Training in US :
- J)- Thân nhân tại Hoa kỳ : **CÓ** - **KHÔNG**
 Relatives in US : YES - NO
- K)- Tên và địa chỉ của thân nhân :
 Relatives names and addresses :
- L)- Địa chỉ thư từ tại VN : **29 Đường Nguyễn Văn Trỗi nay là TRẦN QUỐC THẢO**
 Mailing address in VN : **Phường 11 - Quận 3**
- M)- Cổ hồ sơ : **IV** N)- Thuộc loại ưu tiên :
 IV # : Category :
- O)- : P)- :
 Priority Date: Action :

Date :
May :

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Ich am Bau

1- Name : **HỒ QUAN MINH-YỄN** Sex : **MALE**
Ho, ten : Hải :

Other names : NDNZ
Họ, tên khác :

1- Date/ place of birth : MARCH 02, 1932, TÂN-VINH-HOÀ SADEC

1- Residence Address : 29 NGUYỄN VĂN TRÔI, PHƯỜNG 11, QUẬN 3
Địa chỉ thường trú : TP HỒ CHÍ MINH - SOUTH VIETNAM.

2- Billing Address : NONE
Dia chi thu tu :

5- Current occupation : THẬT NGHIỆP (CÁI THẠO VÉ).

38 con cum di v31 toi :

(Note: Your spouse and ~~and~~ unmarried children are the only relatives eligible to accompany. You list marital status (MC) as follows:

(Married () Divorced () Widowed () or Single ())
(Chú): Vợ chồng và con cái chưa lập gia đình có thể cùng đi với bạn bè thôi. Về khai trình trạng gia đình như sau:
Đã lập gia đình () là ly dị () Góa phụ/cổ thể () hoặc độc thân ())

Name : Date of Bir: Place of Bir: Sex: 16: relation ship
 Họ tên : th. Ngày : th. Nơi sinh: Giới tính : Liên hệ gia đình
 : th. Nơi sinh: : : :

1-VÕ THỊ HAI	19-02-1932	BÌNH CHÁNH CHỢ LỚN	F	M	VỢ
2-HỒ THỊ TƯỜNG-VÂN	02-08-1957	HÀNH THƯỜNG GIỚI BÌNH	F	S	CON GÁI
3-HỒ QUAN TUYÊN-PHƯƠNG	26-11-1954	HÀNH THƯỜNG GIỚI BÌNH	M	S	CON TRAI
4-NGUYỄN THỊ THANH-THÚY	30-07-1962	SÀI GÒN	F	S	CON GÁI

[illegible]

(Note : For the persons listed above we will need eligible copies of Birth certificate, marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouses' death certificate (if widowed) identification cards (if available) and photos. If any of above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below)

(Chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thú (nếu lập gia đình rồi) Giấy ly hôn (nếu đã ly dị) Giấy khai tử của vợ/chồng (nếu bà thế/góa phụ) Thẻ căn cước nếu có và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung cấp với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong Phần I)

C)- relatives outside VN of myself/of my spouse :
Họ hàng ở Ngoại quốc của tôi/ của vợ/chồng tôi :

1- Closest outside VN of myself/of my spouse at USA :
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ :

a- Name :
Họ tên :
b- Relation ship :
Liên hệ gia đình :
c- Address :
Địa chỉ :
d- Date of relative arrival in the US :
Ngày bà con đến đất Mỹ :

2- Closest Relative in other foreign countries :
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác :

a- Name :
Họ tên :
b- Relation ship :
Liên hệ gia đình :
c- Address :
Địa chỉ :

D)- Complete family listing / living / dead / :
Danh sách toàn thể gia đình / sống / chết :

1- Father : M^r HỒ QUAN CỬ (chết)
Cha :

2- Mother : M^{rs} TRẦN THỊ ĐIỀU (chết)
Mẹ :

3- ~~Spouse~~ (vợ/chồng) :

4- Former spouse (if any) : M^{rs} VÕ THỊ HẢI (sống)
Vợ/chồng trước (nếu có) :

5- Children : NGUYỄN NGỌC MINH (sống)
Con cái :

1- HỒ QUAN KINH QUỐC (sống) 17-08-1955 SÀI GÒN - 81 KHUỖI, ẤP 1, XÃ AN HÒA
2- HỒ THỊ TIỀN-VÂN (sống) 02-08-1957 HẢI PHÒNG GIA ĐỊNH - 10-
3- HỒ QUAN LAM-SƠN (sống) 10-07-1958 HẢI PHÒNG GIA ĐỊNH - 10-
4- HỒ QUAN TÙNG PHƯƠNG (sống) 26-11-1959 HẢI PHÒNG GIA ĐỊNH - 10-
5- NGUYỄN THỊ THANH THỦY (sống) 30-07-1962 SÀI GÒN - 89, đường 3 tháng 02 - Phường
CHỢ TÂN MẠCH.

6- Siblings :

Anh chị em : 1- CHỊ HỒ THỊ TRẦN NÉE P. L. NANT 1919, SAGEC 14 MONTCLAIR - VILLE
06100 - NICE - FRANCE
2- CHỊ HỒ THỊ ANH 1924 SAGEC - 10-
3- CHỊ HỒ THỊ KIM KHUÊ 1930 SAGEC - 10-
4- ANH HỒ QUAN CHIỂU 1923 SAGEC 4640 DE LA PELTRIE - MONTREAL
QUEBEC H3W 1K5
5- CHỊ HỒ THỊ HỒNG-LÀM 1927 SAGEC 30, HUYỀN KHUỖI-NHÂN - Q1
TPHCM.

Bạn có vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hoặc Nhà nước Mỹ.

1/ Employee name : NONE
 Tên họ nhân viên:
 2/ Position title :
 Chức vụ :
 3/ Agency/Company/Office :
 Sở/hàng/Văn phòng :
 4/ Length of employment : From To
 Thời gian làm việc : Từ Đến
 5/ Name of American Supervisor :
 Tên họ Giám thị Mỹ :
 6/ Reason for separation :
 Lý do nghỉ việc :
 (Nếu có làm nhiều nơi , Nếu có nhiều người trong gia
 gia đình cùng ti theo mà cũng có làm sở hoặc hãng
 Mỹ, thời mỗi người mỗi nơi kê khai theo mẫu đơn trên

Service with OVN or RVNAF by you or your spouse :
 Ban hoặc Vợ/chồng ban là công vụ với Chính phủ VN :

1/ Name of person serving : **M² HỒ QUAN MINH-YEN**
 Họ tên người tham gia :
 2/ Date from : **27-10-1952** To : **30-04-1975**
 Từ ngày : Tới ngày :
 3/ Last rank : **TRUNG TÁ** Serial numbers : **52/120.004**
 Cấp bậc cuối cùng : Số thẻ nhân viên :
 4/ Ministry/Office/ Military Unit : **BỘ CỬU CHIẾN BINH**
 Bộ/Phòng/Đơn vị/Binh chủng : **NHÀ HẦU BÔNG & QUẬN ĐƯỜNG**
 5/ Name of Superior : **ĐẠI TÁ BÌNH XUYÊN MÃ X** C.O. :
 Tên người chỉ huy : **ĐOÀN SỰ NGUYỄN QUỐC THỦY** số quân :
 6/ Name of American Advisor : **M² PABLO MAT GUIN TO**
 Họ tên cố vấn Mỹ :
 7/ Reason for separation : **30-04-1975**
 Lý do nghỉ việc :
 8/ US Training Courses in VN : **NONE**
 Chương trình huấn luyện tại VN :
 9/ US Awards or certificates : **NONE**
 Phần thưởng hoặc giấy khen :
 (Note : Please attach
 awards or certificates
 Available :
 (Chú ý : Xin
 hoặc chứng
 Duyệt sự c.

G) Training outside V.
Bản hoặc vợ/chồng

- 1/ Name of student:
Họ tên sinh viên:
- 2/ School and school:
Trường và địa chỉ:
- 3/ Date form:
Ngày tháng năm từ:
- 4/ Description of courses:
Mô tả ngành học:
- 5/ Who paid for training:
Ai đài thọ chương trình huấn luyện:

(Note : Please attach copies of diplomas or orders if available
Available? YES - NO

Chú ý : Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị nếu có
Bạn có hay không? CÓ - KHÔNG

(Nếu có dự nhiều khóa ở nước ngoài hoặc cho những người
khác trong gia đình cùng đi theo có dự những khóa học ở
nước ngoài có thể khai thêm theo mẫu toạ trên)

H) Re-education of you or your spouse

(Bạn hoặc Vợ/Chồng bạn là học tập cải tạo :

- 1/ Name of person in ^{Re}education : M^{rs} HỒ QUAN MINH-YẾN
Họ tên người học tập cải tạo :
- 2/ Time in reeducation : From: 14-06-1975 To: 26-10-1983
Thời gian học tập Từ : Đến :
- 3/ Still in reeducation ~~Yes~~ - NO
Vẫn còn học tập cải tạo ~~Đã~~ - Không

(if released we must have a copy of your certificate
Nếu được thả Chúng tôi cần một giấy ra trại.

I) Any additional remarks

Cước chú phụ thuộc

*Any help from you to the appropriate for solve out our case
because of the state of freedom will be appreciated*

Signature
Ký tên



Date 15-09-1988
Ngày

Please list here all documents attached to the questionnaire
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

ODP B
5/84

Địa chỉ liên lạc với văn phòng ODP
127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120 Thailand

CONTROL

☒ Card
☒ Dec. Request; Form 4/2/89
☐ Release Order
☒ Computer 4-8-89
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Latent

gr. 102m 26-VN